TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày 20-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Nhàn.

2. Ông Lý Hữu Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Đào - Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

Ngày 20-6-2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLST-DS ngày 22-3-2023 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 17-5-2023 và thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 07-6-2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ LV.

Địa chỉ:Toà nhà Cpt Tw, số 109 THĐ, phường CN, Quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được uỷ quyền thường xuyên: Ông Dương Văn T- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ LV chi nhánh Yên Bái.

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Khánh H, sinh năm 1991 - Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ LV chi nhánh Yên Bái - Phòng giao dịch TY. Có mặt.

Địa chỉ: thôn LA, xã HK, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

2. Đồng bị đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1957; Ông Nguyễn Anh M, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn ĐB 1+2, xã LT, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái. Bà T có mặt, ông MVắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-02-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Nguyễn Khánh H là người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP BĐ LV, trình bày:

Ông Nguyễn Anh M và bà Bùi Thị T đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP BĐ LV Chi nhánh Yên Bái tổng số tiền là: 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) theo 02 hợp đồng tín dụng cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số HDTD1802018402 ngày 23-5-2018 vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), mục đích vay để tiêu dùng, lãi suất là 12,6%/năm (1,05%/tháng) được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và được xác định = Lãi suất huy động tiết kiệm thường cao nhất kỳ hạn 13 tháng lãi trả cuối kỳ của Ngân hàng dành cho khách hàng cá nhân tại thời điểm điều chỉnh + 4,5%/năm, nhưng không thấp hơn 1,05%/tháng. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thoả thuận bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 24-5-2018 đến hết 23-5-2021. Kỳ hạn trả nợ gốc trả làm 36 kỳ vào ngày 25 của tháng, 35 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.400.000 đồng, kỳ cuối trả 1.000.000 đồng khi đến hạn khoản vay, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 25-6-2018. Kỳ hạn trả lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ giảm dần. Ngày trả nợ cuối cùng 23-5-2021. Các bên còn cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD13C2019145 ngày 17-12-2019 vay số tiền 75.000.000 đồng (Bẩy mươi lăm triệu đồng), mục đích vay để tiêu dùng (mua sắm đồ gia dụng phục vụ các nhu cầu đời sống của khách hàng), lãi suất cho vay là 16,8%/năm (1,4%/tháng) được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và được xác định = Lãi suất huy động tiết kiệm thường cao nhất kỳ hạn 13 tháng lãi trả cuối kỳ của Ngân hàng dành cho khách hàng cá nhân tại thời điểm điều chỉnh + 8,9%/năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thoả thuận bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn cho vay được quy định tại giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là 48 tháng kể từ ngày 18-12-2019 đến hết 17-12-2023. Kỳ hạn trả nợ gốc trả làm 48 kỳ vào ngày 25 của tháng, 47 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.560.000 đồng, kỳ cuối trả 1.680.000 đồng khi đến hạn khoản vay, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 25-01-2020. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối trả cùng kỳ với trả nợ gốc lần cuối, kỳ trả lãi đầu tiên 25/01/2020. Ngày trả nợ cuối cùng 17-12-2023. Các bên còn thống nhất bên vay cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích và đảm bảo trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Cả hai khoản vay đều là khoản vay tín chấp thông qua tổ liên kết vay vốn tại UBND xã LT, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

Sau khi vay tiền bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Anh M đã trả cho ngân hàng theo bảng kê cụ thể:

+ Tại Hợp đồng tín dụng số HDTD1802018402 ngày 23-5-2018 bà M, ông Tđã trả 43.400.000 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền gốc và số tiền lãi đã trả là 9.500.677 đồng.

+ Tại Hợp đồng tín dụng số HDTD13C2019145 ngày 17-12-2019 bà M, ông Tđã trả 18.720.089 đồng (Mười tám triệu bẩy trăm hai mươi nghìn không trăm tám mươi chín đồng) tiền gốc và số tiền lãi đã trả là 11.909.703 đồng.

Tính đến hết ngày 20-6-2023, ông Nguyễn Anh M và bà Bùi Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP BĐ LV Chi nhánh Yên Bái như sau:

Tổng số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng là 62.879.911 đồng (Sáu mươi hai triệu tám trăm bẩy mươi chín nghìn chín trăm mười một đồng), tiền lãi suất của 02 hợp đồng tính đến ngày 20-6-2023 là 32.603.425 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm linh bà ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng). Tổng cộng số tiền ông Nguyễn Anh M, bà Bùi Thị T phải trả là 95.483.336 đồng (Chín mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

Tại bản khai và tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị T trình bày: Bà và anh Mlà con trai có vay tiền của Ngân hàng về làm ăn, nhưng đến nay vẫn không trả được cho Ngân hàng, bà có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nhưng xin toàn bộ số tiền lãi suất của Ngân hàng.

Đối với ông Nguyễn Anh M, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân HUYỆN TY đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Nguyễn Anh M. Tuy nhiên bị đơn ông Nguyễn Anh M không đến Tòa án và không có bản tự khai. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của ông Mvà Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân HUYỆN TY nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Anh M và bà Bùi Thị T có đăng ký hộ khẩu tại Thôn ĐB 1+2, xã LT, HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BĐ LV thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn ông Nguyễn Anh M đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Mtheo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Tại hợp đồng tín dụng số HDTD1802018402 ngày 23-5-2018, và hợp đồng tín dụng số HDTD13C2019145 ngày 17-12-2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP BĐ LV và ông Nguyễn Anh M, bà Bùi Thị T, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Đây là hợp đồng tín dụng có kỳ hạn, vay vốn với hình thức tín chấp thông qua tổ vay vốn tại UBND xã, trong hợp đồng, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng. Tại thời điểm giao kết, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo

quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Hợp đồng tín dụng số HDTD1802018402 ông Mến, Bà T trả được 43.400.000 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền gốc và 9.500.677 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn sáu trăm bẩy mươi bẩy đồng) tiền lãi. Hợp đồng tín dụng số HDTD13C2019145, ông Mến, Bà T trả được 18.720.089 đồng (Mười tám triệu bẩy trăm hai mươi nghìn không trăm tám mươi chín đồng) tiền gốc, 11.909.703 đồng (Mười một triệu chín trăm linh chín nghìn bẩy trăm linh ba đồng) tiền lãi.

Số tiền gốc còn lại của 02 hợp đồng tính đến ngày 20-6-2023 là 62.879.911 đồng (Sáu mươi hai triệu tám trăm bẩy mươi chín nghìn chín trăm mười một đồng). Tiền lãi suất là 32.603.425 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm linh ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Tại phiên tòa bị đơn Bà T nhất trí với toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi suất như phía Ngân hàng đề nghị và xin được trả tiền nợ gốc còn số tiền lãi đề nghị Ngân hàng hỗ trợ miễn toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu của Ngân hàng Liên Việt là có căn cứ được chấp nhận, buộc các đồng bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Liên Việt tổng số tiền như sau theo bảng kê:

Tính đến đến hết ngày 20-6-2023, ông Nguyễn Anh M, bà Bùi Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP BĐ LV số tiền gốc của 02 hợp đồng còn lại là 62.879.911 đồng (Sáu mươi hai triệu tám trăm bẩy mươi chín nghìn chín trăm mười một đồng) và số tiền lãi là 28.801.913 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm linh một nghìn chín trăm mười ba đồng); Tiền lãi trên nợ gốc và lãi quá hạn từ ngày 22-3-2023 đến hết ngày 20-6-2023 (91 ngày) theo quy định của pháp luật là 3.801.512 đồng (Ba triệu tám trăm linh một nghìn năm trăm mười hai đồng).

Tổng số tiền ông Nguyễn Anh M, bà Bùi Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP BĐ LV là 95.483.336 đồng (Chín mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

[3] *Về án phí:*

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST.

Bị đơn phải chịu án phí DSST tương ứng với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 95.483.336 đồng x 5% = 4.774.167 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP BĐ LV.

2. Buộc ông Nguyễn Anh M và bà Bùi Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP BĐ LV chi nhánh Yên Bái tổng số tiền là 95.483.336 đồng (Chín mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 62.879.911 đồng (Sáu mươi hai triệu tám trăm bẩy mươi chín nghìn chín trăm mười một đồng); Nợ lãi là 32.603.425 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm linh ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Anh M và bà Bùi Thị T phải chịu 4.774.167 đồng (Bốn triệu bảy trăm bảy tư nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng) án phí DSST (Ông Mến, Bà T chưa nộp).

Ngân hàng TMCP BĐ LV không phải chịu án phí DSST và được trả lại 2.254.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/0000344 ngày 22-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN TY, tỉnh Yên Bái.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND HUYỆN TY;
- Chi cục THADS HUYỆN TY;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Phương